TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2022
V/v ly hôn, tranh chấp con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nữ.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.*

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một *tham gia phiên tòa:* Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973, địa chỉ: Số A, NVT, tổ B, khu C, phường ĐH, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1971; địa chỉ: Số A, NVT, tổ B, khu C, phường ĐH, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn G tự nguyện tìm hiểu, sống chung và đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường ĐH, thành phố M, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 25/4/2007. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều bất đồng không thể giải quyết được. Cả hai nhiều lần tự hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn. Hiện nay bà H thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, sống chung cũng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết để ly hôn với ông Nguyễn Văn G.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1991, Nguyễn Minh P, sinh năm 1997 và Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/7/2008. Sau khi ly hôn bà

H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Quỳnh N, không yêu cầu cấp dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Thị Kim L và Nguyễn Minh P do đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa có ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì về phần thủ tục. Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện tranh chấp yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về con chung với bị đơn ông Nguyễn Văn G. Bị đơn có đăng ký thường trú tại số A, NVT, tổ B, khu C, phường ĐH, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do, do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường ĐH, thành phố M, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 25/4/2007 nên quan hệ hôn nhân giữa ông, bà là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Bà Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn G vì cho rằng trong quá trình chung sống cuộc sống giữa vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, có nhiều xung đột, mâu thuẫn dù các bên đã tự hòa giải hàn gắn nhưng vẫn không giảm. Hội đồng xét xử nhận thấy, mục đích của hôn nhân là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận nhưng giữa các đương sự đã phát sinh nhiều mâu thuẫn; bà H không còn tình cảm và không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông G; bản thân ông G không đến Tòa án để làm việc chứng tỏ không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn của bà H là có căn cứ chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1991, Nguyễn Minh P, sinh năm 1997 và Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/7/2008, sau ly hôn bà H yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/7/2008. Nhận thấy

hiện tại cháu N đang sống cùng với mẹ, do đó nhằm đảm bảo sự ổn định cho sự phát triển của cháu và theo nguyện vọng của chính cháu N tại biên bản ghi lời khai ngày 13/5/2022, Hội đồng xét xử xem chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cháo Nguyễn Quỳnh N cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1991, Nguyễn Minh P, sinh năm 1997, do đã thành niên nên không đề cập giải quyết.

[4] Về cấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

[6] Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Đối với lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Văn G về việc ly hôn, tranh chấp con chung.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn đối với ông Nguyễn Văn G.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/7/2008.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

Sau ly hôn, ông Nguyễn Văn G được quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, bà Nguyễn Thị H không được quyền cản trở ông G thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000827 ngày 05/01/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND phường ĐH, thành phố M, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạo